

### Định lượng

Hòa tan 1,000 g chế phẩm bằng cách làm nóng trong 100 ml nước có chứa 15 g *manitol* (TT). Chuẩn độ bằng dung dịch *natri hydroxyd* 1 N (CĐ) cho tới khi xuất hiện màu hồng, dùng 0,5 ml dung dịch *phenolphthalein* (TT) làm chỉ thị.

1 ml dung dịch *natri hydroxyd* 1 N (CĐ) tương đương với 61,80 mg  $H_3BO_3$ .

### DUNG DỊCH ACID BORIC 3 %

Là dung dịch dùng tại chỗ của acid boric trong nước.

#### Công thức điều chế

Acid boric 3 g

Nước tinh khiết vđ 100 ml

Hòa tan acid boric trong nước sôi, để nguội, thêm nước vừa đủ 100 ml. Lọc.

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Dung dịch thuốc" (Phụ lục 1.3) và các yêu cầu sau đây:

**Hàm lượng acid boric,  $H_3BO_3$ ,** từ 95,0 % đến 105,0 % so với lượng ghi trên nhãn.

#### Tính chất

Dung dịch trong, không màu, không mùi, có phản ứng hơi acid.

#### Định tính

A. Lấy 3 ml chế phẩm vào một bát sứ nhỏ, đun trong cách thủy đến cạn. Thêm vào cạn 5 ml *methanol* (TT), khuấy cho tan (có thể đun trên cách thủy nếu cần). Thêm 0,1 ml *acid sulfuric* (TT) và đốt. Ngọn lửa thu được có viền màu xanh lá.

B. Lấy 5 ml chế phẩm, thêm 1 giọt dung dịch *da cam methyl* (TT), dung dịch có màu vàng. Thêm 5 ml *glycerin* (TT), màu chuyển sang đỏ cam.

#### Định lượng

Lấy chính xác 5 ml chế phẩm, thêm 20 ml *glycerin* (TT) đã được trung tính trước [dùng dung dịch *phenolphthalein* (TT) làm chỉ thị] và chuẩn độ bằng dung dịch *natri hydroxyd* 0,1 N (CĐ) cho tới khi xuất hiện màu hồng. Thêm 5 ml *glycerin* (TT) đã trung tính trước với dung dịch *phenolphthalein* (TT), nếu màu hồng biến mất thì tiếp tục chuẩn độ bằng dung dịch *natri hydroxyd* 0,1 N (CĐ) cho tới khi xuất hiện màu hồng bền vững.

1 ml dung dịch *natri hydroxyd* 0,1 N (CĐ) tương ứng với 6,18 mg  $H_3BO_3$ .

#### Giới hạn nhiễm vi sinh vật

Chế phẩm phải đạt yêu cầu về giới hạn nhiễm vi sinh vật (Phụ lục 13.6).

Nếu dùng để rửa mắt, chế phẩm phải vô khuẩn (Phụ lục 13.7).

### Bảo quản

Đựng trong đồ đựng kín.

### Loại thuốc

Sát khuẩn tại chỗ.

### THUỐC MỠ ACID BORIC 10 %

Là thuốc mỡ dùng ngoài da có chứa acid boric.

Acid boric phải được tán thành bột mịn qua rây số 125 trước khi pha chế.

#### Công thức

Acid boric (tán rất mịn) 10 g

Tá dược nhũ hóa vừa đủ 100 g

Chế phẩm phải đáp ứng các yêu cầu trong chuyên luận "Thuốc mỡ dùng trên da và niêm mạc" (Phụ lục 1.12) và các yêu cầu sau đây:

**Hàm lượng acid boric,  $H_3BO_3$ ,** từ 9,0 % đến 11,0 %.

#### Tính chất

Thuốc mỡ màu trắng hoặc vàng nhạt.

#### Định tính

Lấy 1 g chế phẩm cho vào một bát sứ, thêm 4 ml *ethanol* (TT) và 1 giọt *acid sulfuric đậm đặc* (TT). Châm lửa đốt (vừa đốt vừa khuấy bằng một đũa thủy tinh). Ngọn lửa có viền màu xanh lá.

#### Định lượng

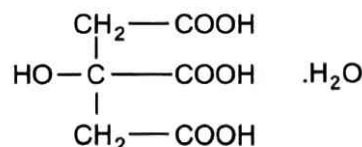
Cân chính xác khoảng 1,0 g chế phẩm cho vào cốc có mỏ, thêm 20 ml nước và 20 ml *glycerin* (TT) đã được trung tính trước với dung dịch *phenolphthalein* (TT) làm chỉ thị. Đun cách thủy cho tan, lắc đều. Chuẩn độ bằng dung dịch *natri hydroxyd* 0,1 N (CĐ) đến khi xuất hiện màu hồng bền vững [dung dịch *phenolphthalein* (TT) làm chỉ thị].

1 ml dung dịch *natri hydroxyd* 0,1 N (CĐ) tương đương với 6,18 mg  $H_3BO_3$ .

#### Bảo quản

Trong lọ thủy tinh hay bình sứ, nút kín.

### ACID CITRIC NGÂM MỘT PHÂN TỬ NƯỚC



$\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_7 \cdot \text{H}_2\text{O}$

P.t.l: 210,1

Acid citric ngâm một phân tử nước là acid 2-hydroxypropan-1,2,3-tricarboxylic, phải chứa từ 99,5 % đến 101,0 %  $\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_7$ , tính theo chế phẩm khan.